

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số 1344/QĐ-ĐHKTQD ngày 26 tháng 7 năm 2021
của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân)

CHƯƠNG TRÌNH/PROGRAMME: TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO/LEVEL OF EDUCATION:	CỬ NHÂN TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP /BACHELOR OF FINANCE ĐẠI HỌC/UNDERGRADUATE
NGÀNH ĐÀO TẠO/MAJOR:	TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP /CORPORATE FINANCE
MÃ NGÀNH/CODE:	
HÌNH THỨC ĐÀO TẠO/TYPE OF EDUCATION:	CHÍNH QUY/FULL - TIME
NGÔN NGỮ ĐÀO TẠO/LANGUAGE	TIẾNG VIỆT/VIETNAMESE
THỜI GIAN ĐÀO TẠO/DURATION TIME	4 NĂM/ 4 YEARS

1. MỤC TIÊU

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân ngành Tài chính doanh nghiệp có kiến thức cơ bản về kinh tế, tài chính, quản lý và quản trị kinh doanh, đặc biệt là có kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về lĩnh vực tài chính nói chung và tài chính doanh nghiệp nói riêng. Đồng thời có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, có trách nhiệm xã hội; có tư duy độc lập; có năng lực tự học tập bổ sung kiến thức đáp ứng yêu cầu của công việc.

1.2. Mục tiêu cụ thể

- *Về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm:* đạt chuẩn đầu ra theo quy định tại Thông tư 07/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- *Vị trí và nơi làm việc sau khi tốt nghiệp:*

Chuyên viên ở tất cả các vị trí trong các cơ quan quản lý nhà nước về Tài chính - Ngân hàng từ Trung ương đến địa phương như: Tổng cục Thuế, Kho bạc, UBCK NN, Bộ Tài chính, các NHTM trong nước và quốc tế, các doanh nghiệp, các tập đoàn đa quốc gia, các tổ chức tài chính phi ngân hàng.

Các công ty chứng khoán, các công ty tài chính, công ty thẩm định giá, tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính quốc tế.

Chuyên viên quản lý tài chính trong các doanh nghiệp và các tổ chức tài chính trung gian, đặc biệt là các vị trí chuyên viên phân tích tài chính, thẩm định tài chính, tín dụng, tư vấn tài chính, tư vấn quản trị tài chính, chuyên viên quản lý rủi ro, chuyên viên phân tích đầu tư;

Nghiên cứu viên và trợ giảng tại các cơ sở nghiên cứu, các cơ sở giáo dục đại học và cao đẳng;

Có khả năng tiếp tục học tập, nghiên cứu ở bậc cao hơn tại nước ngoài và các cơ sở đào tạo chất lượng cao tại Việt Nam trong lĩnh vực Tài chính, Ngân hàng và các lĩnh vực kinh tế có liên quan khác.

- **Trình độ ngoại ngữ và tin học:** đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ và tin học theo quy định hiện hành của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.

2. CHUẨN ĐẦU RA

CDR	Mô tả	Mã CDR
Chuẩn đầu ra về kiến thức	<i>Kiến thức về lý luận chính trị:</i> Nhận thức, hiểu biết về Chủ nghĩa xã hội khoa học, về Đảng Cộng sản Việt Nam, về tư tưởng Hồ Chí Minh và có khả năng lĩnh hội, tuân thủ tư tưởng Hồ Chí Minh dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Hiểu được thế giới quan và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin và ứng dụng trong học tập, nghiên cứu và học tập các môn học khác và các tri thức của nhân loại vào đời sống thực tiễn trong bối cảnh phát triển kinh tế của đất nước và thế giới ngày nay.	CDR 1
	<i>Kiến thức pháp luật và bảo vệ môi trường:</i> đảm bảo tuân thủ đúng quy định của pháp luật trong thực hiện công việc và cuộc sống. Tích cực tham gia bảo vệ môi trường, góp phần phát triển bền vững kinh tế, xã hội.	CDR 2
	<i>Kiến thức về toán:</i> áp dụng kiến thức trong xử lý số liệu, tính toán liên quan đến ngành đào tạo.	CDR 3
	<i>Kiến thức về giải quyết và xây dựng bài toán kinh tế:</i> đơn giản, nâng cao.	CDR 4
	<i>Ứng dụng phần mềm trong giải quyết công việc:</i> vận dụng được các phần mềm thống kê cơ bản để phân tích, đánh giá các nội dung công việc, các hiện tượng kinh tế, xã hội tác động; áp dụng trong nghiên cứu khoa học.	CDR 5
	Áp dụng kiến thức về lý thuyết tiền tệ, hoạt động động của hệ thống ngân hàng (ngân hàng trung ương và các ngân hàng thương mại).	CDR 6
	Áp dụng những nguyên lý kế toán cơ bản để xử lý các tình huống mô phỏng, lập, đọc báo cáo tài chính của tổ	CDR 7

CDR	Mô tả	Mã CDR
	chức kinh tế, tập trung chuyên sâu vào doanh nghiệp.	
	Áp dụng các nguyên tắc trong thu thập, xử lý thông tin; có khả năng vận dụng các kiến thức nâng cao trong phân tích, đánh giá áp dụng cho các tổ chức kinh tế đặc thù.	CDR 8
	Áp dụng được các nguyên tắc marketing cơ bản trong quá trình phân tích, đánh giá tiềm năng thị trường, tìm kiếm khách hàng mục tiêu, cách tiếp cận thị trường, hướng tới cá nhân và tổ chức kinh tế.	CDR 9
	Áp dụng các kiến thức cơ bản trong khối ngành tài chính, ngân hàng, đầu tư tài chính, tài chính công vào thực tiễn.	CDR 10
	Phát triển kiến thức khối ngành để hình thành, xây dựng ý tưởng, tổ chức thực hiện, đánh giá tính khả thi của dự án và ra quyết định lựa chọn.	CDR 11
	Áp dụng kiến thức trong thực tập thực tế, gắn kiến thức ngành cơ bản với thực tế; đồng thời bắt kịp và chủ động hội nhập môi trường làm việc trong tương lai.	CDR 12
	Có khả năng tiếp cận, đọc, hiểu các tài liệu bắt buộc đạt chuẩn quốc tế bằng tiếng Anh; phát triển cơ hội học tập và nghiên cứu ở các bậc học cao hơn của các cơ sở giáo dục trong nước và quốc tế.	CDR 13
	Định hướng mục tiêu nghề nghiệp thông qua thực tập thực tiễn và xây dựng lộ trình phát triển cơ hội nghề nghiệp phù hợp.	CDR 14
Chuẩn đầu ra về kỹ năng	<i>Kỹ năng nghề nghiệp:</i> Vận dụng kiến thức chuyên môn vào thực tiễn hoạt động trong lĩnh vực tài chính trong các bối cảnh khác nhau, có khả năng phân tích, tổng hợp và dẫn dắt chuyên môn để xử lý và đạt mục tiêu công việc. Bước đầu hình thành năng lực phát triển nghề nghiệp	CDR 15
	<i>Kỹ năng phân tích và giải quyết vấn đề:</i> phân tích nâng cao, chuyên sâu và suy luận logic từ vận dụng kiến thức chuyên môn để giải quyết vấn đề; có khả năng vận dụng quy trình, lập kế hoạch, cập nhật thông tin và khai thác các thông tin ngành, lĩnh vực để giải quyết vấn đề.	CDR 16
	<i>Kỹ năng nghiên cứu và khám phá kiến thức:</i> định hướng, tiếp cận mục tiêu để phát hiện và giải quyết vấn đề, như dự báo tình hình kinh doanh đặc biệt là về tài chính của các tổ chức, ngân hàng, doanh nghiệp...	CDR 17
	<i>Kỹ năng tư duy hệ thống:</i> Tổng hợp các thông tin từ	CDR 18

CDR	Mô tả	Mã CDR
	kiến thức chuyên môn, thông tin ngành, lĩnh vực để suy luận, hình thành quy trình để giải quyết vấn đề.	
	<i>Kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn:</i> vận dụng, phát triển kiến thức và ứng dụng sáng tạo vào thực tiễn công việc.	CDR 19
	<i>Kỹ năng giải quyết tình huống theo bối cảnh xã hội, tổ chức:</i> thích ứng với những thay đổi của ngoại cảnh tác động tới giải quyết vấn đề. Điều chỉnh hướng tiếp cận và ứng phó tình huống thay đổi, đặc biệt là trong lĩnh vực tài chính có nhiều biến động và rủi ro.	CDR 20
	<i>Kỹ năng cá nhân:</i> khả năng làm việc độc lập, tự học hỏi, thu thập thông tin, quản lý thời gian cá nhân và đáp ứng tiến độ công việc.	CDR 21
	<i>Kỹ năng làm việc theo nhóm:</i> biết hợp tác với các thành viên trong nhóm, chia sẻ thông tin và vận dụng thông tin của nhóm trong giải quyết công việc. Tổng hợp các thông tin từ các thành viên trong nhóm để hình thành ý tưởng và ra quyết định.	CDR 22
	<i>Kỹ năng quản lý và lãnh đạo:</i> Khả năng tổng hợp thông tin, khả năng dẫn dắt chuyên môn và giải quyết tình huống và đạt mục tiêu công việc. Hình thành kỹ năng quản lý công việc, thời gian và phát triển nhóm.	CDR 23
	<i>Kỹ năng giao tiếp:</i> giao tiếp tự tin, chủ động; giao tiếp tốt được bằng tiếng Anh; có thể hiểu được của một báo cáo hay bài phát biểu về các chủ đề quen thuộc trong công việc liên quan đến ngành tài chính ngân hàng có thể sử dụng ngoại ngữ để diễn đạt, xử lý một số tình huống chuyên môn thông thường; có thể viết được báo cáo có nội dung đơn giản, trình bày ý kiến liên quan đến công việc chuyên môn.	CDR 24
CDR Tin học	Chuẩn đầu ra tin học (chứng chỉ tin học quốc tế MOS/IC3/ICLD) theo Quyết định số 785/QĐ-ĐHKTQĐ ngày 21/4/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.	CDR 25
CDR Ngoại ngữ	Chuẩn đầu ra ngoại ngữ (chứng chỉ tiếng Anh quốc tế IELTS 5.5 và tương đương) theo Quyết định số 785/QĐ-ĐHKTQĐ ngày 21/4/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.	CDR 26
Chuẩn đầu ra về năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm	Làm việc độc lập và theo nhóm trong điều kiện thay đổi, tự chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm tổ chức. Tự định hướng, chủ động xây dựng kế hoạch, triển khai	CDR 27

CDR	Mô tả	Mã CDR
	kế hoạch; hướng dẫn, giám sát người khác thực hiện công việc Khả năng dẫn dắt chuyên môn, sáng kiến thực hiện công việc, chủ động và chịu trách nhiệm ra quyết định, khả năng đưa ra kết luận, đồng thời bảo vệ quan điểm của cá nhân.	
	Phẩm chất đạo đức cá nhân: tự tin, tự chủ, linh hoạt, tôn trọng, chấp nhận rủi ro.	
	Phẩm chất đạo đức nghề nghiệp: trung thực, có trách nhiệm, ý thức tổ chức kỷ luật lao động, kiểm soát thời gian và đảm bảo tiến độ	
	Phẩm chất đạo đức xã hội: tôn trọng pháp luật, tham gia hoạt động xã hội, đoàn thể, tinh thần và lối sống tích cực hướng tới cộng đồng.	

3. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA: 129 tín chỉ

4. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH: Theo quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Đề án tuyển sinh đại học hệ chính quy của Trường Đại học Kinh tế quốc dân.

5. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP: Thời gian đào tạo 4 năm theo quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo và quy định của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân về đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ.

6. CÁCH THỨC ĐÁNH GIÁ: Theo thang điểm 10, thang điểm 4 và thang điểm chữ

7. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

7.1. Cấu trúc cơ bản

Bảng 1. Các khối kiến thức trong CTĐT

Kiến thức	Số TC	Ghi chú
1. Kiến thức giáo dục đại cương	44	
1.1. Các học phần chung	20	Khoa học chính trị và Ngoại ngữ
1.2. Các học phần của Trường	12	04 học phần chung của Trường
1.3. Các học phần của ngành	12	04 học phần chung của lĩnh vực
2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	85	
<i>2.1. Kiến thức cơ sở ngành</i>	15	5 HP chung của nhóm ngành

2.2. Kiến thức ngành	45	
2.2.1. Các học phần bắt buộc	30	
2.2.2. Các học phần tự chọn	15	SV tự chọn 15 tín chỉ (5 học phần)
2.3. Kiến thức chuyên sâu	15	SV tự chọn 15 tín chỉ (5 học phần)
2.4. Khóa luận tốt nghiệp	10	
TỔNG SỐ	129	Không kể GDQP & AN và GDTC

7.2. Nội dung chương trình và kế hoạch giảng dạy

- Nội dung cần đạt được, khối lượng kiến thức (Lý thuyết/Thảo luận/Thực hành/Tự học) của từng học phần trong chương trình được mô tả ở đề cương chi tiết mỗi học phần.

- Nội dung chương trình và kế hoạch giảng dạy (dự kiến 04 năm/08 học kỳ, mỗi học kỳ 12-18 tín chỉ) được mô tả theo bảng dưới đây:

Bảng 2. Nội dung chương trình và kế hoạch giảng dạy

TT	Nội dung chương trình đào tạo (Ngành Tài chính doanh nghiệp)		Mã HP	Số TC	Học kỳ (dự kiến)	Mã HP tiên quyết
	1. Kiến thức giáo dục đại cương			44		
	1.1. Các học phần chung			20		
1	1	Triết học Mác - Lê Nin Marxist-Leninist Philosophy	LLNL1105	3	I	
2	2	Kinh tế chính trị Mác - Lê Nin Political Economics of Marxism and Leninism	LLNL1106	2	II	
3	3	Chủ nghĩa xã hội khoa học Scientific Socialism	LLNL1107	2	II	
4	4	Tư tưởng Hồ Chí Minh Ho Chi Minh Ideology	LLTT1101	2	III	
5	5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam Communist Party History	LLDL1102	2	IV	
	6	Ngoại ngữ Foreign Language	NNKC	9	I-II-III	
	7	Giáo dục Thể chất Physical Education	GDTC	4		
	8	Giáo dục Quốc phòng và An ninh Military Education	GDQP	8- 11		
	1.2. Các học phần của Trường			12		
6	1	Toán cho các nhà kinh tế Mathematics for Economics	TOCB1110	3	I	
7	2	Kinh tế vi mô 1 Microeconomics 1	KHMI1101	3	II	
8	3	Kinh tế vĩ mô 1 Macroeconomics 1	KHMA1101	3	II	
9	4	Pháp luật đại cương Fundamentals of Laws	LUCS1129	3	I	

TT	Nội dung chương trình đào tạo (Ngành Tài chính doanh nghiệp)		Mã HP	Số TC	Học kỳ (dự kiến)	Mã HP tiên quyết
	1.3. Các học phần của ngành			12		
11	1	Quản trị kinh doanh 1 Business Management 1	QTTH1102	3	I	
12	2	Lý thuyết xác suất và thống kê toán Probability and Mathematical Statistics	TOKT1145	3	III	
13	3	Quản lý học 1 Essentials of Management 1	QLKT1101	3	II	
14	4	Lý thuyết tài chính tiền tệ 1 Monetary and Financial Theories 1	NHLT1101	3	IV	
	2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			85		
	2.1. Kiến thức cơ sở ngành			15		
15	1	Kinh tế lượng 1 Econometrics 1	TOKT1101	3	III	
16	2	Nguyên lý kế toán Accounting Principles	KTKE1101	3	III	
17	3	Ngân hàng thương mại 1 Commercial Bank 1	NHTM1102	3	IV	
17	4	Tài chính công 1 Public Finance 1	NHCO1102	3	V	
18	5	Tài chính doanh nghiệp 1 Corporate Finance 1	NHTC1104	3	IV	
	2.2. Kiến thức ngành			45		
	2.2.1 Các học phần bắt buộc			30		
19	1	Tài chính quốc tế 1 International Finance 1	NHQT1102	3	IV	
20	2	Thị trường chứng khoán 1 Stock Market 1	NHCK1102	3	V	
21	3	Lý thuyết tài chính tiền tệ 2 Monetary and Financial Theories 2	NHLT1103	3	IV	
22	4	Kế toán tài chính Financial Accounting	KTTC1105	3	V	
23	5	Tài chính doanh nghiệp 2 Corporate Finance 2	NHTC1110	3	VI	
24	6	Phân tích và đầu tư chứng khoán Securities Analysis and Investment	NHCK1106	3	VI	
25	7	Tài chính công ty đa quốc gia Multinational Business Finance	NHQT1109	3	VI	
26	8	Phân tích tài chính Financial Analysis	NHTC 1108	3	VI	
27	9	Tiếng Anh ngành Tài chính Ngân hàng English for Banking and Finance	NHTM1103	3	III	
28	10	Đề án Tài chính doanh nghiệp Course Project of Corporate	NHTC1122	3	V	

TT	Nội dung chương trình đào tạo (Ngành Tài chính doanh nghiệp)	Mã HP	Số TC	Học kỳ (dự kiến)	Mã HP tiên quyết
	Finance				
	2.2.2 Các học phần tự chọn (SV tự chọn 05 học phần trong tổ hợp)		15		
29 30 31 32 33	1 Tài chính quốc tế 2 International Finance 2	NHQT1111	3	V	
	2 Tài chính công 2 Public Finance 2	NHCO1109	3	VI	
	3 Thị trường chứng khoán 2 Stock Market 2	NHCK1110	3	VI	
	4 Ngân hàng thương mại 2 Commercial Bank 2	NHTM1111	3	VI	
	5 Thẩm định tài chính dự án Project Evaluation	NHTC1112	3	VII	
	6 Quản trị rủi ro tài chính Risk Management	NHTC1123	3	VII	
	7 Thanh toán quốc tế International settlement	NHQT1112	3	VII	
	8 Quản lý tài sản công Public Assets Management	NHCO1119	3	VII	
	9 Thuế Taxation	NHCO1111	3	VII	
	10 Kiểm toán căn bản Basic Auditing	KTKI1101	3	VI	
	2.3. Kiến thức chuyên sâu (SV tự chọn 5 học phần trong tổ hợp)		15		
34 35 36 37 38	1 Quản trị chiến lược Strategic Management	QTKD1132	3	VI	
	2 Quản trị dòng tiền Cash Management	NHTC1119	3	VII	
	3 Các khoản đầu tư thay thế alternative Investment	NHCK1115	3	VII	
	4 Chuyên đề Tài chính doanh nghiệp Seminar in finance	NHTC1121	3	VII	
	5 Chứng khoán phái sinh Derivatives	NHCK1116	3	VII	
	6 Kiểm toán tài chính Financial Auditing	KTKI1117	3	VI	
	7 Thị trường chứng khoán nợ Fixed Income Securities Market	NHCK1118	3	VI	
	8 Kinh doanh quốc tế International Business	TMKD1128	3	VI	
	9 Kế toán ngân hàng Accounting for Banking	NHTM1107	3	V	
	10 Kỹ năng quản trị Management Skills	QTKD1130	3	VI	
39	Khóa luận tốt nghiệp <i>Graduation Thesis</i>	NHTC1124	10	VIII	
	Tổng số tín chỉ		129		

8. Hướng dẫn thực hiện

- Kế hoạch đào tạo chuẩn của chương trình đào tạo là 04 năm, mỗi năm có 02 hoặc 03 học kỳ chính và 01 học kỳ phụ, phương thức tổ chức đào tạo theo tín chỉ.
- Sinh viên nhập học được đăng ký học mặc định trong học kỳ 1, các học kỳ sau sinh viên tự đăng ký học theo kế hoạch giảng dạy của trường. Các học phần được sắp xếp linh hoạt theo từng học kỳ, sinh viên có thể đăng ký học trước hoặc sau các học phần, không bắt buộc theo trình tự của kế hoạch dự kiến nếu đáp ứng các điều kiện của học phần đăng ký.
- Sinh viên có thể học vượt để tốt nghiệp sớm so với kế hoạch đào tạo chuẩn hoặc tốt nghiệp muộn nhưng không quá thời gian đào tạo tối đa theo quy định.
- Nội dung cần đạt được của từng học phần được mô tả trong đề cương chi tiết học phần.
- Khối lượng kiến thức (Lý thuyết/Thảo luận/Thực hành/Tự học) và cách đánh giá học phần được quy định trong đề cương chi tiết mỗi học phần.
- Điều kiện tốt nghiệp: sinh viên tích lũy đủ khối lượng kiến thức của CTĐT, đạt chuẩn đầu ra Tin học và Ngoại ngữ, có chứng chỉ GDQP và AN, hoàn thành các học phần GDTC và các quy định khác của trường.

**KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG**

HIỆU TRƯỞNG

TS Đặng Anh Tuấn

PGS.TS Phạm Hồng Chương